

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI**

**SHIN**

**ĐIỀU LỆ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI**

**Hà Nội, tháng 10 năm 2020**

# MỤC LỤC

|   |    |
|---|----|
| PHẦN MỞ ĐẦU .....   | 4  |
| PHẦN NỘI DUNG .....   | 4  |
| I. GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ .....   | 4  |
| Điều 1. Giải thích thuật ngữ .....  | 4  |
| II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY .. | 5  |
| Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty .....                                     | 5  |
| Điều 2a. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....   | 5  |
| III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....  | 6  |
| Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty .....  | 6  |
| Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty .....   | 6  |
| IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....   | 6  |
| Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập .....  | 6  |
| Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu .....   | 7  |
| Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác .....  | 8  |
| Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần .....   | 8  |
| Điều 9. Thu hồi cổ phần .....   | 8  |
| V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....   | 9  |
| Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....   | 9  |
| VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....   | 9  |
| Điều 11. Quyền của cổ đông .....  | 9  |
| Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông .....   | 11 |
| Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.....  | 11 |
| Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....  | 13 |
| Điều 15. Đại diện được ủy quyền .....   | 14 |
| Điều 16. Thay đổi các quyền.....  | 15 |
| Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông .....  | 16 |
| Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....   | 17 |
| Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....  | 18 |
| Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....  | 20 |
| Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....                    | 21 |
| Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....  | 23 |
| Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....   | 24 |
| VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....  | 24 |
| Điều 23a. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....   | 24 |
| Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....  | 25 |
| Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....  | 26 |
| Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.....  | 29 |
| Điều 27. Cuộc họp của Hội đồng quản trị .....   | 30 |
| VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY .....   | 34 |
| Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý .....   | 34 |
| Điều 29. Người điều hành .....  | 34 |
| Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....   | 34 |
| Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty .....   | 36 |
| IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....   | 37 |

|  |    |
|--|----|
| Điều 32. Trách nhiệm cân trọng .....   | 37 |
| Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....             | 37 |
| Điều 34. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....                                | 39 |
| X. BAN KIỂM SOÁT.....  | 39 |
| Điều 34a. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....  | 39 |
| Điều 35. Thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên).....                              | 40 |
| Điều 36. Ban Kiểm soát.....  | 41 |
| XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY .....                                    | 42 |
| Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....  | 42 |
| XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....  | 43 |
| Điều 38. Công nhân viên và công đoàn.....  | 43 |
| XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....   | 43 |
| Điều 39. Phân phối lợi nhuận .....   | 43 |
| Điều 40. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....                      | 44 |
| XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRÙ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....         | 44 |
| Điều 41. Tài khoản ngân hàng.....  | 44 |
| Điều 42. Trích lập Quỹ.....  | 44 |
| Điều 43. Năm tài chính.....  | 44 |
| Điều 44. Chế độ kế toán .....  | 44 |
| XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG..... | 45 |
| Điều 45. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và quý.....                                     | 45 |
| Điều 46. Báo cáo thường niên .....   | 45 |
| XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....  | 46 |
| Điều 47. Kiểm toán.....  | 46 |
| XVII. CON DẤU.....   | 46 |
| Điều 48. Con dấu.....  | 46 |
| XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....   | 46 |
| Điều 49. Chấm dứt hoạt động.....   | 46 |
| Điều 50. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông.....     | 47 |
| Điều 51. Thanh lý .....  | 47 |
| XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....   | 47 |
| Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....   | 47 |
| XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....  | 48 |
| Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....   | 48 |
| XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....  | 48 |
| Điều 54. Ngày hiệu lực.....  | 48 |
| Điều 55. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.....                   | 49 |

## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho Công ty cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội được thành lập theo Luật Doanh nghiệp thực hiện trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

## PHẦN NỘI DUNG

### I. GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

- 1.1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
  - 1.1.1 Vốn điều lệ Công ty là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp là tổng giá trị mệnh giá cổ phần các loại đã được đăng ký mua và được quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
  - 1.1.2 "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số **68/2014/QH13** được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
  - 1.1.3 "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương lần đầu.
  - 1.1.4 "Người quản lý" là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được Hội đồng quản trị phê chuẩn tại từng thời điểm.
  - 1.1.5 "Người điều hành khác" là Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được Hội đồng quản trị phê chuẩn tại từng thời điểm;
  - 1.1.6 "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và/hoặc quy định tại Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.
  - 1.1.7 "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
  - 1.1.8 "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 1.2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế chúng.
- 1.3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

- 1.4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

## **II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

### **Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

#### 2.1 Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI**
- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **HA NOI INVESTMENT GENERAL CORPORATION**
- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI**
- Tên Công ty viết tắt: **HANIC.,CORP**

- 2.2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

- 2.3. Trụ sở đăng ký của Công ty: Địa chỉ Trụ sở chính của Công ty chi tiết theo Phụ lục đính kèm Điều lệ này.

- 2.4. Công ty có thể thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện và các Địa điểm kinh doanh tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

Các Chi nhánh, Văn phòng đại diện và Địa điểm kinh doanh của Công ty chi tiết theo Phụ lục đính kèm Điều lệ này.

- 2.5. Thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

### **Điều 2a. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

- 2a.1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

- 2a.2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

### **III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

- 3.1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty: Ngành, nghề kinh doanh của Công ty chi tiết theo Phụ lục đính kèm Điều lệ này.
- 3.2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là thực hiện các hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, đầu tư, xây dựng và thi công nhằm tối đa hóa lợi nhuận, tăng cổ tức cho cổ đông; tạo công ăn việc làm cho người lao động; đóng góp cho ngân sách nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

#### **Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

- 4.1. Công ty được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
- 4.2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của pháp luật.

### **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

#### **Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

- 5.1. Vốn điều lệ của Công ty: Vốn điều lệ của Công ty chi tiết theo Phụ lục đính kèm Điều lệ này.  
Mệnh giá của cổ phần là 10.000 (mười nghìn) đồng/01 cổ phần.
- 5.2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 5.3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông được quy định tại Điều 11 và Điều 12 Điều lệ này.
- 5.4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 5.5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 5.6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều

kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

- 5.7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
- 5.8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ này.

## **Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu**

- 6.1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6.7 Điều 6 này.
- 6.2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp. Cổ phiếu phải có dấu của Công ty (nếu có) và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
- 6.3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày có tên trong danh sách cổ đông hoặc điều chỉnh số lượng sở hữu cổ phần trong danh sách cổ đông hoặc thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty hoặc thời điểm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, người sở hữu số cổ phần có quyền yêu cầu nhận một chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu.
- 6.4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng nhận cổ phiếu ghi danh, chứng nhận cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng nhận mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
- 6.5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại chứng nhận cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.

Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

- 6.5.1 Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy;
- 6.5.2 Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên 10.000.000 VND (Mười triệu Đồng Việt Nam), trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu chứng chỉ cổ phiếu đăng thông báo về việc chứng chỉ cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp chứng chỉ cổ phiếu mới.

- 6.6. Người sở hữu chứng nhận cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng nhận và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng nhận này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.
- 6.7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyên nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

## **Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của Người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

## **Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần**

- 8.1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và/hoặc pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và của Sở Giao dịch Chứng khoán.
- 8.2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

## **Điều 9. Thu hồi cổ phần**

- 9.1 Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
- 9.2 Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.



- 9.3 Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 9.4, Khoản 9.5 và Khoản 9.6 Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
- 9.4 Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại Khoản 3 Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
- 9.5 Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá mười phần trăm (10%) một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
- 9.6 Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- 10.1 Đại hội đồng cổ đông;
- 10.2 Hội đồng quản trị;
- 10.3 Ban Kiểm soát;
- 10.4 Tổng Giám đốc.

## **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 11. Quyền của cổ đông**

- 11.1 Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
- 11.2 Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
- 11.2.1. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ Công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

- 11.2.2. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - 11.2.3. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
  - 11.2.4. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
  - 11.2.5. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
  - 11.2.6. Tiếp cận thông tin về Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
  - 11.2.7. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
  - 11.2.8. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
  - 11.2.9. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;
  - 11.2.10. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
- 11.3 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất (06) sáu tháng có các quyền sau:
- 11.3.1. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 23a và Điều 34a;
  - 11.3.2. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;
  - 11.3.3. Yêu cầu kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - 11.3.4. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

11.3.5. Các quyền khác được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

## **Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông**

- 12.1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- 12.2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
  - 12.2.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - 12.2.2. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
  - 12.2.3. Hình thức khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 12.3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn tiền mua cổ phần đã đăng ký/cam kết mua theo quy định;
- 12.4. Cung cấp địa chỉ, thông tin chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
- 12.5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
- 12.6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - 12.6.1. Vi phạm pháp luật;
  - 12.6.2. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - 12.6.3. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

## **Điều 13. Đại hội đồng cổ đông**

- 13.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 13.2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông  
Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức bằng hình thức trực tiếp tại Địa điểm ở trên lãnh thổ Việt Nam hoặc bằng hình thức họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. Trường hợp tổ chức họp trực tuyến, địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là trụ sở Công ty.
- 13.3. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn hình thức tổ chức, địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài

chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

13.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

13.4.1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

13.4.2. Số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

13.4.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 11.3 Điều 11 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan);

13.4.4. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

13.4.5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

13.5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

13.5.1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm 13.4.2 Khoản 13.4 Điều 13 Điều lệ này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm 13.4.3, Điểm 13.4.4, Điểm 13.4.5 Khoản 13.4 Điều 13 Điều lệ này.

13.5.2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm 13.5.1 Khoản 13.5 Điều 13 này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

13.5.3. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm 13.5.2 Khoản 13.5 Điều 13 này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm 13.4.3 Khoản 13.4 Điều 13 này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

- 13.6. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

#### **Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

- 14.1 Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- 14.1.1 Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
  - 14.1.2 Báo cáo của Hội đồng quản trị;
  - 14.1.3 Báo cáo của Ban Kiểm soát;
  - 14.1.4 Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
  - 14.1.5 Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - 14.1.6 Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty
  - 14.1.7 Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 14.2 Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
- 14.2.1. Thông qua báo cáo tài chính năm;
  - 14.2.2. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
  - 14.2.3. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
  - 14.2.4. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
  - 14.2.5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
  - 14.2.6. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
  - 14.2.7. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
  - 14.2.8. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
  - 14.2.9. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - 14.2.10. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
  - 14.2.11. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

- 14.2.12. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
  - 14.2.13. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
  - 14.2.14. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
  - 14.2.15. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
  - 14.2.16. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế khác của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 14.3 Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- 14.3.1 Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 của Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
  - 14.3.2 Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó, trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện thông qua khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
- 14.4 Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 15. Đại diện được ủy quyền**

- 15.1 Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự (“Người được ủy quyền dự họp”) hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
- 15.2 Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
  - 15.2.1. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và Người được ủy quyền dự họp. Nếu Người được ủy quyền dự họp là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
  - 15.2.2. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức và Người được ủy quyền dự

họp. Nếu Người được ủy quyền dự họp là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

15.2.3. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

15.3 Trường hợp pháp luật có quy định/cho phép về việc luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

15.4 Trừ trường hợp quy định tại Khoản 15.3 của Điều 15, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

15.4.1. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

15.4.2. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

15.4.3. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

## **Điều 16. Thay đổi các quyền**

16.1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

- 16.2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này.
- 16.3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

### **Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

- 17.1 Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm 13.5.2. hoặc Điểm 13.5.3 Khoản 13.5 Điều 13 Điều lệ này.
- 17.2 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những công việc sau đây:
  - 17.2.1. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo/giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;
  - 17.2.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội;
  - 17.2.3. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội;
  - 17.2.4. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
  - 17.2.5. Xác định thời gian, hình thức tổ chức và địa điểm tổ chức Đại hội;
  - 17.2.6. Thông báo và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
  - 17.2.7. Các công việc khác phục vụ Đại hội.
- 17.3 Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp cho tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
  - 17.3.1. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;



- 17.3.2. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- 17.3.3. Phiếu biểu quyết;
- 17.3.4. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- 17.3.5. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- 17.4 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 11.3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị nêu trên vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 17.5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.
- 17.5 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 17.4 của Điều 17 trong các trường hợp sau:
- 17.5.1 Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- 17.5.2 Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ tỷ lệ % cổ phần phổ thông tối thiểu trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng theo quy định tại Khoản 11.3 Điều 11 của Điều lệ này;
- 17.5.3 Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- 17.5.4 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

## **Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

- 18.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp (tham dự trực tiếp hoặc tham dự trực tuyến và bỏ phiếu điện tử) đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, trừ trường hợp pháp luật có yêu cầu tỷ lệ khác cao hơn.
- 18.2 Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc Đại hội, người triệu tập họp có quyền hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ

đồng dự họp đại diện ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, trừ trường hợp pháp luật có yêu cầu tỷ lệ khác cao hơn.

- 18.3 Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu dự họp cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai. Trong trường hợp này, Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
- 18.4 Chỉ Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại điều 17.3 của Điều lệ này.

### **Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

- 19.1 Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi khai mạc cuộc họp, theo quy chế làm việc cụ thể của Đại hội, Công ty thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông dự họp và thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- 19.2.a. Đại hội đồng cổ đông có thể được tiến hành họp, bàn thảo và biểu quyết các nội dung cuộc họp bằng phương thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp, biểu quyết tại cuộc họp trực tuyến, biểu quyết điện tử, gửi phiếu biểu quyết qua thư, fax hoặc thư điện tử hoặc phương thức khác theo quy định pháp luật và Quy chế Đại hội.
- 19.2.b. Trường hợp Đại hội được tổ chức bằng hình thức dự họp trực tiếp, khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối/không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối/không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối/không tán thành, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được chủ tọa thông báo sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu hoặc chọn những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa; nếu Đại hội không bầu/chọn thì chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
- 19.2.c. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức bằng hình thức trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị ban hành Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và Quy chế hướng dẫn bỏ phiếu điện tử tại Đại hội đồng cổ đông.

- 19.3 Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngày và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
- 19.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.
- 19.5 Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- 19.6 Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
- 19.7 Chủ tọa Đại hội có thể hoãn Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.
- 19.8 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi Đại hội.
- 19.9 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
- 19.9.1. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- 19.9.2. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- 19.9.3. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

19.10 Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm Đại hội có thể:

19.10.1. Thông báo Đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa Đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của Đại hội”);

19.10.2. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội.

Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

19.11 Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

## **Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

20.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua mọi Nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp hoặc biểu quyết trực tuyến tại cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến các Cổ đông bằng văn bản.

i. Trừ trường hợp quy định tại Mục ii dưới đây, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông có quyền biểu quyết dự họp (các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Đại diện theo ủy quyền hoặc Người được ủy quyền dự họp có mặt tại Đại hội đồng cổ đông đối với trường hợp tổ chức họp trực tiếp hoặc trực tuyến), hoặc từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông có quyền biểu quyết (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) chấp thuận.

ii. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các vấn đề dưới đây sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông có quyền biểu quyết dự họp (các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Đại diện theo ủy quyền hoặc Người được ủy quyền dự họp có mặt tại Đại hội đồng cổ đông đối với trường hợp tổ chức họp trực tiếp hoặc trực tuyến), hoặc từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông có quyền biểu quyết (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) chấp thuận:

- (1) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
- (2) Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán;
- (3) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- (4) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

(5) Giao dịch mua, bán tài sản Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán;

(6) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

20.2. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

20.3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

### **Điều 21. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

21.1 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

21.2 Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết/quyết định. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 17.3 Điều 17 Điều lệ này.

21.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

21.3.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

21.3.2. Mục đích lấy ý kiến;

21.3.3. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

21.3.4. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

21.3.5. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

21.3.6. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- 21.3.7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- 21.4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
- 21.5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
- 21.5.1. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- 21.5.2. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- 21.6. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- 21.6.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- 21.6.2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- 21.6.3. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- 21.6.4. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- 21.6.5. Các vấn đề đã được thông qua;
- 21.6.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
- 21.7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang

thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

- 21.8 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 21.9 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp pháp luật có yêu cầu tỷ lệ khác cao hơn.

## **Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

22.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- 22.1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- 22.1.2. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- 22.1.3. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- 22.1.4. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- 22.1.5. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- 22.1.6. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- 22.1.7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- 22.1.8. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- 22.1.9. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

- 22.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 22.3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả

các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

- 22.4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
- 22.5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### **Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 11.3 Điều 13 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- 23.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp;
- 23.2 Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

## **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 23a. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

- 23a.1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

23a.1.1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

23a.1.2. Trình độ học vấn;

23a.1.3. Trình độ chuyên môn;



- 23a.1.4. Quá trình công tác;
  - 23a.1.5. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
  - 23a.1.6. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
  - 23a.1.7. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
  - 23a.1.8. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
  - 23a.1.9. Các thông tin khác (nếu có).
- 23a.2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
- 23a.3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

#### **Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

- 24.1 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là bảy (07) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 24.2 Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
- 24.3 Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
  - 24.3.1. Không đủ tư cách, không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
  - 24.3.2. Có đơn từ chức bằng văn bản được gửi đến trụ sở chính của Công ty;

- 24.3.3. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
  - 24.3.4. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng (06) sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - 24.3.5. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - 24.3.6. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
  - 24.3.7. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế quản trị của Công ty.
- 24.4 Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 24.5 Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

## **Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

- 25.1 Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
- 25.2 Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
- 25.2.1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
  - 25.2.2. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - 25.2.3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng và xử lý kỷ luật đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác quy định tại Điểm 25.2.9 Khoản 25.2 Điều này và theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành;
  - 25.2.4. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác và/hoặc phân cấp giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc người điều hành khác quyết định;
  - 25.2.5. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại người điều hành đó;
  - 25.2.6. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

- 25.2.7. Xem xét, quyết định và triển khai thực hiện việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp; đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
- 25.2.8. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- 25.2.9. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng và xử lý kỷ luật đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính của Công ty (nếu có), Giám đốc/Tổng Giám đốc Công ty con, Trưởng/Giám đốc Chi nhánh hoặc văn phòng đại diện và chức danh quản lý tương đương khác; quyết định tiền lương, quyền lợi khác của họ và/hoặc phân cấp giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc người điều hành khác quyết định;
- 25.2.10. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
- 25.2.11. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
- 25.2.12. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định và/hoặc phân cấp giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc người điều hành khác quyết định;
- 25.2.13. Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó và/hoặc phân cấp giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc người điều hành khác quyết định;
- 25.2.14. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm phần trăm (5%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty hoặc một giá trị hay tỷ lệ nhỏ hơn được quy định trong quy chế của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định trong Điều lệ này và quy định của pháp luật;
- 25.2.15. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành khác;
- 25.2.16. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
- 25.2.17. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;

- 25.2.18 Quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 25.3 Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- 25.3.1. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
  - 25.3.2. Thành lập các công ty con của Công ty;
  - 25.3.3. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2, Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 135 và Khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hoặc trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi, bổ sung và huỷ bỏ, chấm dứt các giao dịch, hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mua công ty và liên doanh);
  - 25.3.4. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
  - 25.3.5. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
  - 25.3.6. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách nếu giá trị đầu tư lớn hơn năm (5) tỷ đồng hoặc vượt quá hai phần trăm (2%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán; hoặc một giá trị hay tỷ lệ nhỏ hơn được quy định trong quy chế của Công ty;
  - 25.3.7. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
  - 25.3.8. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
  - 25.3.9. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
  - 25.3.10. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
  - 25.3.11. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
  - 25.3.12. Các vấn đề khác theo quy chế nội bộ của Công ty.
- 25.4 Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính

hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

- 25.5 Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể phân cấp, ủy quyền cho Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hay nhân viên cấp dưới và người quản lý, điều hành khác đại diện xử lý công việc, quyết định, ký kết các tài liệu, giao dịch và tổ chức thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền quyết định, phê chuẩn của Hội đồng quản trị.
- 25.6 Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thống nhất được.
- 25.7 Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty (nếu có). Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
- 25.8 Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- 25.9 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

## **Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- 26.1 Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị cũng có thể quyết định lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 26.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có những quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

Phó Chủ tịch (nếu có) có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch.

Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bầu một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

- 26.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định trong Điều lệ này.
- 26.4 Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có) từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày hoặc trình Đại hội đồng cổ đông bầu.

### **Điều 27. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

- 27.1 Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 27.2 Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 27.7 Điều này. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
- 27.3 Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận:
  - 27.3.1. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
  - 27.3.2. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
  - 27.3.3. Ban Kiểm soát.
  - 27.3.4. Trường hợp khác nếu quy chế nội bộ Công ty có quy định.
- 27.4 Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 27.3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi nhận được đề nghị nêu tại Khoản 27.3 nêu trên. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối

với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 27.3 Điều 27 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

- 27.5 Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
- 27.6 Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
- 27.7 Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến, trừ trường hợp pháp luật có yêu cầu thời hạn dài hơn hoặc quy chế Công ty có quy định thời hạn khác. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

- 27.8 Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) trở lên dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp quy định tại Khoản 9 Điều 153 Luật Doanh nghiệp.

- 27.9 Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị hoặc các hình thức khác khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

27.9.1. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

27.9.2. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên

Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

27.10 Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

27.11 Biểu quyết.

27.11.1. Trừ quy định tại Điểm 27.11.2 Khoản 27.11 Điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

27.11.2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

27.11.3. Theo quy định tại Điểm 27.11.4 Khoản 27.11 Điều 27, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

27.11.4. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm 33.4.1 và Điểm 33.4.2 Khoản 33.4 Điều 33 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

27.12 Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang



dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

27.13 Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối/không tán thành ngang nhau thì, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

27.14 Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Nghị quyết này được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

27.15 Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

27.16 Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

27.17 Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

## **VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, một số Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và một số chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm bằng nghị quyết được thông qua một cách hợp thức, trừ trường hợp Điều lệ này có quy định khác.

### **Điều 29. Người điều hành**

- 29.1 Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người điều hành phải có trách nhiệm khẩn cấp cần thiết để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
- 29.2 Tiền lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc hoặc theo quy chế nội bộ Công ty.

### **Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc**

- 30.1 Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định tiền lương, thù lao, lợi ích khác và các điều khoản khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
- 30.2 Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- 30.3 Quyền hạn và nhiệm vụ. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
  - 30.3.1. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- 30.3.2. Quyết định các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị được quy định tại các văn bản luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
  - 30.3.3. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
  - 30.3.4. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
  - 30.3.5. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
  - 30.3.6. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
  - 30.3.7. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
  - 30.3.8. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
  - 30.3.9. Ký kết hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới năm phần trăm (5%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty hoặc một giá trị hay tỷ lệ nhỏ hơn được quy định trong quy chế của Công ty;
  - 30.3.10 Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- 30.4 Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện

nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

- 30.5 Bãi nhiệm, thay thế, chấm dứt Hợp đồng lao động. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, thay thế, chấm dứt Hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau:
- 30.5.1 Khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc nếu Tổng Giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc điều hành mới thay thế;
  - 30.5.2 Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;
  - 30.5.3 Tự nguyện xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản;
  - 30.5.4 Khi có quyết định điều chuyển, nghỉ hưu hoặc được bố trí công việc khác;
  - 30.5.5 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- 30.6 Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

### **Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty**

- 31.1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.
- 31.2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
- 31.2.1. Có hiểu biết về pháp luật;
  - 31.2.2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
  - 31.2.3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
- 31.3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.
- 31.4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
- 31.4.1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

- 31.4.2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
- 31.4.3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- 31.4.4. Tham dự các cuộc họp;
- 31.4.5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- 31.4.6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- 31.4.7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- 31.4.8. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- 31.4.9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## **IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 32. Trách nhiệm cần trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cần trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

### **Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

- 33.1 Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
- 33.2 Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- 33.3 Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội

đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

33.4 Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

33.5 Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

33.5.1. Đối với hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

33.5.2. Đối với những hợp đồng, giao dịch có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này; hoặc

33.5.3. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

## **Điều 34. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

34.1 Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

34.2 Bồi thường.

Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

34.3 Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

34.3.1 Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

34.3.2 Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

34.4 Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **X. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 34a. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên**

34a.1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Điều 23a Điều lệ này.

34a.2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty

và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

### **Điều 35. Thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên)**

35.1 Ban Kiểm soát phải có tối thiểu ba (03) thành viên.

35.1.1 Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- i. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- ii. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- iii. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- iv. Không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;
- v. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật, quy chế Công ty.

35.1.2 Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- i. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban Kiểm soát;
- ii. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát;
- iii. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

35.2 Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc phương thức khác, theo quyết định hoặc quy chế bầu cử do Đại hội đồng cổ đông thông qua tùy từng thời điểm hoặc theo quy định của pháp luật.

35.3 Các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

35.4 Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

35.4.1. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên hoặc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;



- 35.4.2. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận;
- 35.4.3. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- 35.4.4. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban Kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- 35.4.5. Thành viên đó bị bãi nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp: i) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; ii) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; iii) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- 35.4.6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và quy chế của Công ty.

### **Điều 36. Ban Kiểm soát**

- 36.1 Ban Kiểm soát có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - 36.1.1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
  - 36.1.2. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
  - 36.1.3. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
  - 36.1.4. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
  - 36.1.5. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
  - 36.1.6. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của người điều hành Công ty;
  - 36.1.7. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
  - 36.1.8. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của người điều hành Công ty;
  - 36.1.9. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

- 36.1.10. Quyền hạn và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy chế của Công ty.
- 36.2 Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.
- 36.3 Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban Kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
- 36.4 Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát sẽ không vượt quá ba mươi (30) triệu đồng Việt Nam mỗi năm; mức thù lao có thể cao hơn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban Kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban Kiểm soát.

## **XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

- 37.1 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Khoản 11.3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
- 37.2 Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 37.3 Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông

và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

- 37.4 Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử riêng, Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử đó.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 38. Công nhân viên và công đoàn**

- 38.1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
- 38.2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn (nếu có) theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 39. Phân phối lợi nhuận**

- 39.1 Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
- 39.2 Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng hoặc thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
- 39.3 Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- 39.4 Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu hoặc tài sản khác theo quy định của pháp luật và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
- 39.5 Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng, hoặc hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

- 39.6 Theo sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
- 39.7 Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

#### **Điều 40. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận**

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

#### **Điều 41. Tài khoản ngân hàng**

- 41.1 Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- 41.2 Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
- 41.3 Công ty sẽ tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 42. Trích lập Quỹ**

Việc trích lập các Quỹ từ lợi nhuận sau thuế và tỷ lệ trích lập các Quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật, theo kiến nghị của Hội đồng quản trị và được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

#### **Điều 43. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép kinh doanh) đó.

#### **Điều 44. Chế độ kế toán**

- 44.1 Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

- 44.2 Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
- 44.3 Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

## **XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

### **Điều 45. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và quý**

- 45.1 Công ty lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 của Điều lệ này. Trong thời hạn 120 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.
- 45.2 Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính và báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
- 45.3 Công ty lập và công bố các báo cáo sáu tháng và báo cáo quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và nộp cho cơ quan liên quan theo quy định của pháp luật.
- 45.4 Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
- 45.5 Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

### **Điều 46. Báo cáo thường niên**

Công ty lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

### **Điều 47. Kiểm toán**

- 47.1 Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định có liên quan của pháp luật, dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
- 47.2 Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
- 47.3 Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
- 47.4 Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
- 47.5 Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

## **XVII. CON DẤU**

### **Điều 48. Con dấu**

- 48.1 Hội đồng quản trị quyết định hình thức, số lượng, nội dung con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
- 48.2 Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

### **Điều 49. Chấm dứt hoạt động**

- 49.1 Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
  - 49.1.1. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
  - 49.1.2. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật hiện hành;
  - 49.1.3. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
  - 49.1.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 49.2 Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

## **Điều 50. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông**

Trừ khi Điều lệ này hoặc pháp luật có quy định khác, các cổ đông nắm giữ từ 51% số cổ phần đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới Toà án để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

- 50.1 Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
- 50.2 Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
- 50.3 Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều nhóm cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

## **Điều 51. Thanh lý**

- 51.1 Tối thiểu sáu (06) tháng sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
- 51.2 Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
- 51.3 Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
  - 51.3.1. Các chi phí thanh lý;
  - 51.3.2. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
  - 51.3.3. Nợ thuế;
  - 51.3.4. Các khoản nợ khác của Công ty;
  - 51.3.5. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (51.3.1) đến (51.3.4) trên đây sẽ được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi (nếu có) được ưu tiên thanh toán trước.

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

- 52.1 Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ

quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

52.1.1. Cổ đông với Công ty; hoặc

52.1.2. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

52.2 Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Toà án có thẩm quyền của Việt Nam giải quyết theo trình tự và quy định của pháp luật Việt Nam.

52.3 Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các khoản phí, lệ phí của Toà án sẽ do Toà án phán quyết bên nào phải chịu.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

53.1 Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

53.2 Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 54. Ngày hiệu lực**

54.1 Bản Điều lệ này gồm XXI Chương và 55 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội nhất trí thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2018 và được sửa đổi bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 21 tháng 10 năm 2020 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

54.2 Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:



54.2.1. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng của địa phương (nếu pháp luật có yêu cầu).

54.2.3. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

54.2.4. Bốn (04) bản lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

54.3 Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

54.4 Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

**Điều 55. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty**

**Tổng Giám đốc**

**Nguyễn Đại Hải**

**PHỤ LỤC 01**  
**ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI**

**Địa chỉ trụ sở chính:**

*Tầng 14, Tòa nhà Peakview Tower, số 36 phố Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.*

Điện thoại: 024.35537188

Fax: 024.35537168

E-mail: [info@shn.com.vn](mailto:info@shn.com.vn)

Website: [shn.com.vn](http://shn.com.vn)

**PHỤ LỤC 02**  
**DANH SÁCH CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ**  
**ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI**

**I. DANH SÁCH CHI NHÁNH:**

1. Chi nhánh đào tạo và xuất khẩu lao động HANIC Hà Nội - Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội.  
Giấy phép ĐKKD số 0102287094-001 do Phòng ĐKKD – Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày: 28/8/2008, thay đổi lần thứ 2 ngày 30/12/2016.  
Địa chỉ Chi nhánh: Số 16 OBT4 Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.
2. Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội - Trung tâm Xuất khẩu lao động HANIC 2.  
Giấy phép ĐKKD số: 0102287094 - 006 do Phòng ĐKKD – Sở KHĐT tỉnh Bắc Ninh cấp ngày: 22/4/2009.  
Địa chỉ Chi nhánh: Số 2, Khu phố Bắc Hà, phố Nguyễn Trãi, phường Ninh Xá, tỉnh Bắc Ninh.
3. Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội – Sàn giao dịch bất động sản HANIC  
Giấy phép ĐKKD số: 0102287094 - 008 do Phòng ĐKKD – Sở KHĐT thành phố Hà nội cấp ngày: 14/6/2012  
Địa chỉ Chi nhánh: Tầng 5, tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

**II. DANH SÁCH VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

*Không có.*

**III. DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH**

*Không có.*

**PHỤ LỤC 03**  
**NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI**

| STT | Tên ngành   | Mã ngành |
|-----|---|----------|
| 1   | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Giám sát thi công các công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng<br>- Giám sát thi công xây dựng công trình cầu đường<br>- Tư vấn, thiết kế công trình đường bộ<br>- Thiết kế quy hoạch, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp<br>- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, hạ tầng giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, hạ tầng đô thị (Chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật và trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký) | 7110     |
| 2   | Bán buôn thực phẩm  | 4632     |
| 3   | Bán buôn đồ uống  | 4633     |
| 4   | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp  | 4711     |
| 5   | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý   | 2420     |
| 6   | Bán buôn kim loại và quặng kim loại   | 4662     |
| 7   | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài (theo Giấy phép Số 278/LĐTĐXH-GP ngày 13/07/2011)   | 7830     |
| 8   | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>Dịch vụ tư vấn bất động sản (không bao gồm tư vấn giá nhà, đất)<br>Dịch vụ môi giới bất động sản<br>Dịch vụ định giá bất động sản<br>Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản<br>Dịch vụ quảng cáo bất động sản<br>Dịch vụ quản lý bất động sản   | 6820     |
| 9   | Bán buôn gạo  | 4631     |
| 10  | Sản xuất sắt, thép, gang  | 2410     |
| 11  | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản   | 1080     |
| 12  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế   | 3100     |

| <b>STT</b> | <b>Tên ngành</b>   | <b>Mã ngành</b> |
|------------|--|-----------------|
| 13         | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp   | 4653            |
| 14         | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày | 4659            |
| 15         | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động tư vấn mua, bán doanh nghiệp (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)  | 7490            |
| 16         | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện   | 3510            |
| 17         | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)   | 6619            |
| 18         | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh   | 8299            |
| 19         | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết:<br>- Đại lý dịch vụ viễn thông  | 6190            |
| 20         | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh bất động sản  | 6810<br>(Chính) |
| 21         | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt  | 1010            |
| 22         | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản  | 1020            |
| 23         | Chế biến và bảo quản rau quả   | 1030            |
| 24         | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột  | 1062            |
| 25         | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất đồ nội thất bằng gốm  | 2393            |
| 26         | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự   | 4649            |

| STT | Tên ngành   | Mã ngành |
|-----|---|----------|
|     | - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh  |          |
| 27  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759     |
| 28  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ   | 4210     |
| 29  | Xây dựng công trình công ích  | 4220     |
| 30  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình công nghiệp  | 4290     |
| 31  | Đại lý du lịch  | 7911     |
| 32  | Điều hành tua du lịch   | 7912     |
| 33  | Giáo dục nghề nghiệp<br>Chi tiết:<br>- Dạy nghề   | 8532     |
| 34  | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)  | 4512     |
| 35  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác   | 4513     |
| 36  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác  | 4520     |
| 37  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác  | 4530     |
| 38  | Bán mô tô, xe máy   | 4541     |
| 39  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác loại mới và loại đã qua sử dụng   | 4511     |
| 40  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy   | 4542     |
| 41  | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương   | 5012     |
| 42  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh  | 4752     |
| 43  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy   | 4543     |
| 44  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ  | 4933     |
| 45  | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa   | 5022     |
| 46  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét   | 0810     |
| 47  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi   | 4663     |

| STT | Tên ngành  | Mã ngành |
|-----|--|----------|
| 48  | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết: Thi công lắp đặt hệ thống điện trong công trình xây dựng;   | 4321     |
| 49  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí<br>Chi tiết: thi công lắp đặt hệ thống cơ trong công trình xây dựng  | 4322     |
| 50  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất công trình  | 7410     |
| 51  | Xây dựng nhà các loại  | 4100     |
| 52  | Chuẩn bị mặt bằng  | 4312     |
| 53  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như:<br>+ Thang máy, cầu thang tự động<br>+ Các loại cửa tự động<br>+ Hệ thống đèn chiếu sáng<br>+ Hệ thống hút bụi<br>+ Hệ thống âm thanh<br>+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí   | 4329     |
| 54  | Hoàn thiện công trình xây dựng   | 4330     |
| 55  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: + Xây dựng nền móng của tòa nhà, gồm đóng cọc<br>+ Thử độ ẩm và các công việc thử nước<br>+ Chống ẩm các tòa nhà<br>+ Chôn chân trụ<br>+ Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất<br>+ Uôn thép<br>+ Xây gạch và đặt đá<br>+ Lợp mái bao phủ tòa nhà<br>+ Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc giàn giáo và mặt bằng<br>+ Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp<br>+ Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao<br>- Các công việc dưới bề mặt<br>- Xây dựng bể bơi ngoài trời<br>- Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bể ngoài tòa nhà<br>- Thuê cần trục có người điều khiển | 4390     |
| 56  | Đại lý, môi giới, đấu giá  | 4610     |

| STT | Tên ngành   | Mã ngành |
|-----|---|----------|
| 57  | Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón  | 0891     |
| 58  | Khai thác và thu gom than bùn   | 0892     |
| 59  | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động khoáng sản   | 0899     |
| 60  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên  | 0910     |
| 61  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác   | 0990     |
| 62  | Trồng rừng và chăm sóc rừng   | 0210     |
| 63  | Khai thác gỗ  | 0221     |
| 64  | Khai thác lâm sản khác trừ gỗ   | 0222     |
| 65  | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ  | 1610     |
| 66  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng   | 1622     |
| 67  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện  | 1629     |
| 68  | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa  | 1701     |
| 69  | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu  | 1709     |
| 70  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp<br>- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)<br>- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh<br>- Bán buôn cao su<br>- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt<br>- Bán buôn phế liệu may mặc và giày dép<br>- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại<br>- Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu | 4669     |
| 71  | Bán buôn tổng hợp   | 4690     |
| 72  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp  | 4719     |
| 73  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh  | 4773     |
| 74  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn than đá, than non, than bùn, than củi, than cốc, than tổ ong, than cám.<br>- Bán buôn nhiên liệu rắn: Bán buôn than và các sản phẩm về than<br>- Bán buôn dầu thô<br>- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan<br>- Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan  | 4661     |
| 75  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống  | 4620     |



| <b>STT</b> | <b>Tên ngành</b>   | <b>Mã ngành</b>  |
|------------|--|--|
|            | Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn hoa và cây; Bán buôn động vật sống; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa) |  |
| 76         | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp  | 8110   |
| 77         | Vệ sinh chung nhà cửa  | 8121   |
| 78         | Vệ sinh nhà cửa và công trình khác   | 8129   |
| 79         | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan  | 8130   |
| 80         | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp  | 8211   |
| 81         | Khai thác và thu gom than cứng   | 0510   |
| 82         | Khai thác và thu gom than non  | 0520   |
| 83         | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa  | 5210   |
| 84         | Bốc xếp hàng hóa   | 5224   |
| 85         | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy  | 5222   |
| 86         | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải  | 5229   |
|            | (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)   | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**PHỤ LỤC 04**  
**VỐN ĐIỀU LỆ**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI**

**Vốn điều lệ:**

Vốn điều lệ: **1.296.071.470.000** đồng.

*Bằng chữ: Một nghìn hai trăm chín mươi sáu tỷ, bảy mươi một triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng.*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng.

Tổng số cổ phần: **129.607.147** cổ phần.